

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 9 – 2018

“V/v Ly hôn và con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Trung

Ông Lê Phúc Tiếng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mười Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2018, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 20/8/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thanh L - Sinh năm 1970

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, khối B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ở hiện nay: Tổ C, Đ, xã N, huyện N1, tỉnh Khánh Hòa – có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Võ Đình T - Sinh năm 1966

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày: Tôi và ông Võ Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/1989 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn hòa hợp với nhau về suy nghĩ, về quan điểm sống. Từ khoảng tháng 10/2017 vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân. Do mâu thuẫn vợ chồng của chúng tôi đến nay không thể hòa giải, hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Võ Đình T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, tôi và ông T có 03 con chung, gồm:

- Võ Thị Thiên N – Sinh ngày 12/12/1989;

- Võ Thị Phi Y – Sinh ngày 12/12/1992;

- Võ Nguyễn Thúy H – Sinh ngày 26/3/2002.

Đối với cháu N và cháu Y đều đã thành niên, có đủ năng lực hành vi, đủ khả

năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Võ Nguyễn Thúy H hiện chưa đủ 18 tuổi nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Võ Đình T trình bày: Tôi thừa nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Thanh L về thời điểm kết hôn, về con chung là đúng. Tuy nhiên, tôi không đồng ý ly hôn với bà L vì việc bà L yêu cầu ly hôn với tôi là nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản. Tôi chỉ đồng ý ly hôn với bà L khi nào tôi và bà L thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Đối với yêu cầu của bà L về việc xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Nguyễn Thúy H cho đến khi đủ 18 tuổi thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Ông Võ Đình T có ý kiến cho rằng, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã phát biểu quan điểm:

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử cũng như phía nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh L; cho bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn ông Võ Đình T.

- *Về con chung*: Giao cháu Võ Nguyễn Thúy H - sinh ngày 26/3/2002 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đối với cháu Võ Thị Thiên N – sinh ngày 12/12/1989 và cháu Võ Thị Phi Y – sinh ngày 12/12/1992 đều đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Võ Đình T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1

Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Đình T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/5/1989 tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông T là không thể khắc phục được nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Đình T. Lời khai này của bà L không được ông Võ Đình T chấp nhận mà ông T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông và bà L chưa đến mức phải ly hôn, việc bà L muốn ly hôn với ông là nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản, nên ông không đồng ý ly hôn với bà L, ông chỉ đồng ý ly hôn với bà L khi nào vợ chồng thống nhất được với nhau về việc phân chia tài sản chung.

Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn vợ chồng của bà L, ông T tại chính quyền địa phương, kết quả như sau: Bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Đình T có đăng ký hộ khẩu tại tổ dân phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống tại địa phương, vợ chồng bà L, ông T sống hạnh phúc, sau đó ông T, bà L đi làm ăn ở nơi khác, thỉnh thoảng có quay về địa phương. Từ khoảng tháng 10/2017 bà L chuyển đến làm ăn và sinh sống tại N1, còn ông T thì quay về sinh sống tại địa phương. Khi bà L làm đơn xin ly hôn, có đến yêu cầu tổ dân phố xác nhận không yêu cầu hòa giải tại tổ dân phố và thể hiện ý chí cương quyết muốn ly hôn với ông Võ Đình T.

Đối với lời khai của ông Võ Đình T cho rằng bà L muốn ly hôn với ông là nhằm mục đích để chiếm đoạt tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích các quy định của pháp luật, hướng dẫn và ấn định thời gian để ông T làm đơn yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ông T vẫn không có đơn yêu cầu, do đó Tòa án không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thanh L và ông Võ Đình T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L, cho bà Nguyễn Thị Thanh L được ly hôn ông Võ Đình T.

- *Về con chung*: Đối với cháu Võ Thị Thiên N – sinh ngày 12/12/1989 và cháu Võ Thị Phi Y – sinh ngày 12/12/1992 đều đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Võ Nguyễn Thúy H - sinh ngày 26/3/2002, do cháu chưa đủ 18 tuổi, xét nguyện vọng của cháu H muốn được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử nghị cần giao cháu H cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Võ Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Đình T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Thị Kim O đã nộp thay Nguyễn Thị Thanh L theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003717 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Võ Đình T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh L, cho bà L được ly hôn với ông Võ Đình T.

- *Về con chung*: Đối với cháu Võ Thị Thiên N – sinh ngày 12/12/1989 và cháu Võ Thị Phi Y – sinh ngày 12/12/1992 đều đã thành niên, nên không xem xét giải quyết.

Giao cháu Võ Nguyễn Thúy H - sinh ngày 26/3/2002 cho bà Nguyễn Thị Thanh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông Võ Đình T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Võ Đình T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Thị Kim O đã nộp thay Nguyễn Thị Thanh L theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003717 ngày 09/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Võ Đình T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND xã H, Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang